

Yên Bái, ngày 07 tháng 11 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt mua sắm tại Quyết định số 2037/QĐ-UBND ngày 07/11/2023, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái xây dựng danh mục có nhu cầu tiếp nhận báo giá để làm căn cứ xây dựng dự toán và giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm bổ sung vật tư y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh năm 2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái

Địa chỉ: Thôn Tiên Phong, xã Giới Phiên, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Lê Trọng Thủy – Trưởng khoa Dược – BVĐK tỉnh Yên Bái, email: Letrongthuykd@gmail.com, Số điện thoại 0966.476.555.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá theo một trong hai hình thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Lê Trọng Thủy, Khoa Dược – Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái (Xã Giới Phiên – Thành Phố Yên Bái – Tỉnh Yên Bái). Số điện thoại 0966.476.555. Hoặc

- Nhận qua email: Letrongthuykd@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14h00' ngày 07 tháng 11 năm 2023 đến trước 15h00' ngày 16 tháng 11 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục thiết bị y tế (có phụ lục chi tiết kèm theo)
2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế (có phụ lục chi tiết kèm theo)
3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong năm 2023.
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng.
5. Các thông tin khác (nếu có): Không.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



PHÓ GIÁM ĐỐC

Trịnh Thị Thu Hoài

Phụ lục

DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Yêu cầu báo giá ngày 07/11/2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái)

STT	Mã Thông tư 04/2017/TT-BYT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chí, kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Địa điểm cung cấp
1	N07.01.100	Bộ dụng cụ lấy huyết khối trong lòng mạch não	Cái	5	1. Cấu tạo đường kính trong $1,7\text{mm} \pm 10\%$, đường kính ngoài đầu gần $2\text{mm} \pm 10\%$ 2. Chiều dài làm việc $\geq 125\text{cm}$.	ISO 13485	Kho Vật tư - Hóa chất, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái
2	N07.01.240	Bóng nong mạch cảnh	Cái	12	1. Dùng trong kỹ thuật nong và đặt Stent mạch cảnh. 2. Cấu tạo bóng kiểu bán cứng, đường kính bóng có nhiều cỡ trong đó cỡ nhỏ nhất $\leq 3\text{mm}$ và cỡ lớn nhất $\geq 12\text{ mm}$, 3. Độ dài dây dẫn có nhiều cỡ trong đó cỡ ngắn nhất $\leq 20\text{mm}$ và cỡ lớn nhất $\geq 200\text{ mm}$, đường kính dây $\leq 0.035\text{ inch}$, áp lực vỡ bóng (RBP) tối đa 20atm . 4. Thiết kế ống thông lõi kép, phần xa của ống thông có lớp phủ ái nước (hydrophillic), có marker đánh dấu.	ISO 13485	Kho Vật tư - Hóa chất, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái
3	N07.01.240	Bóng nong mạch não loại 2 nòng	Cái	5	1. Bóng nong được gắn trong ống thông 2 nòng dùng trong can thiệp điều trị xơ vữa động mạch nội sọ. 2. Cấu tạo: Đường kính tối thiểu có các cỡ (1.5; 2.0; 2.5; 3.0; 3.5; 4.0) $\text{mm} \pm 10\%$. Chiều dài bóng nong $8\text{mm} \pm 10\%$, đường kính trong từ 0.0165 inch đến 0.017 inch . Đường kính ngoài đầu xa $2.7\text{F} \pm 10\%$, đường kính ngoài đầu gần là $3.7\text{F} \pm 10\%$, Tổng chiều dài hệ thống $150\text{cm} \pm 10\%$. Chịu được áp lực danh nghĩa 6atm , áp lực tối đa 14atm . 3. Hệ thống bóng tương thích với vi dây dẫn 0.014 inch	ISO 13485	Kho Vật tư - Hóa chất, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái
4	N08.00.260	Kẹp túi phình mạch máu não các loại	Cái	5	5 Chất liệu titanium, kích thước các cỡ	ISO 13485	Kho Vật tư - Hóa chất, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái

STT	Mã Thông tư 04/2017/TT-BYT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chí, kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Địa điểm cung cấp
5	N04.04.020	Ống thông dẫn đường dùm trong can thiệp mạch não	Cái	10	Kích cỡ 6F, đường kính trong 0.088 inch $\pm$ 10%, chiều dài $\geq$ 80cm, đường kính ngoài đầu gần 8F, đường kính ngoài đầu xa 8F. Dùm để dẫn đường trong kỹ thuật can thiệp mạch não.	ISO 13485	Kho Vật tư - Hóa chất, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái
6	N06.02.020	Stent động mạch vành phủ thuốc	Cái	100	1. Làm bằng chất liệu hợp kim Crome. Phủ thuốc chống tái hẹp, liều 1,00 μ g/mm ² $\pm$ 10%. 2. Chất liệu bọc ngoài: Polymer tự tiêu sinh học 3. Đường kính (mm) có đủ tối thiểu các số sau: 2,25; 2,5, 2,75; 3,00; 3,25; 3,50; 4,00; Chiều dài có ít nhất 8 cỡ, trong đó cỡ ngắn nhất $\leq$ 9mm. 4. Bóng nong chất liệu Polyamid với áp lực tham chiếu từ 8atm đến 10atm, Áp lực vỡ bóng từ 15atm đến 18atm	1. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; 2. Đạt tiêu chuẩn EC hoặc FDA	Kho Vật tư - Hóa chất, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái
7	N08.00.010	Băng ghim khâu cắt mở mở	Cái	10	1. Cấu tạo: Chất liệu ghim titanium, chiều dài băng ghim có ít nhất các cỡ (60mm, 80mm, 100mm) $\pm$ 10%, chiều cao ghim mở và ghim đóng các cỡ. 2. Tương thích với Dụng cụ khâu cắt tự động dùm trong mổ mở.	ISO 13485	Kho Vật tư - Hóa chất, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái

STT	Mã Thông tư 04/2017/TT-BYT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chí, kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Địa điểm cung cấp
8	N08.00.110	Bộ dây đo áp lực nội sọ và nhiệt độ thân não tại não thất	Bộ	15	Bộ dây đo áp lực nội sọ và nhiệt độ thân não tại não thất gồm: + Catheter có gắn cảm biến áp lực nội sọ và nhiệt độ thân não tại não H34 chiều dài ≥ 35 cm, nòng các cỡ, có que dẫn đường, có dây dẫn lưu dịch não tủy ra ngoài để giải áp và có vạch đánh dấu độ sâu; + Mũi khoan xương sọ đường kính 6,5 mm $\pm 10\%$, có thể điều chỉnh độ sâu; + Que điều chỉnh độ sâu mũi khoan; + Chốt cố định trên hộp sọ; + Nút khóa để dẫn lưu dịch não tủy ra ngoài;	ISO 13485	Kho Vật tư - Hóa chất, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái
9	N08.00.110	Bộ dây đo áp lực nội sọ và nhiệt độ thân não tại nhu mô não	Bộ	10	Bộ dây đo áp lực nội sọ và nhiệt độ thân não tại nhu mô não gồm: + Catheter làm bằng polyamid, gắn cảm biến áp lực nội sọ và nhiệt độ thân não tại nhu mô não, chiều dài ≥ 35 cm, nòng các cỡ; + Chốt có vít vặn chặt; + Vòng để điều chỉnh độ sâu của chốt; + Mũi khoan đường kính 6,5 mm $\pm 10\%$, có thể điều chỉnh độ sâu; + Que điều chỉnh độ sâu mũi khoan; + Mũi chọc màng cứng	ISO 13485	Kho Vật tư - Hóa chất, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái
10	N04.04.020	Ổng thông chụp động mạch vành 2 bên	Cái	260	1. Cấu tạo lưới thép không gỉ bền đôi, chống xoắn, có các cỡ từ 4F, 5F và 6F, chiều dài ≥ 100 cm. 2. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ISO 13485	Kho Vật tư - Hóa chất, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái
11	N03.05.010	Dây dẫn lưu ngoài ổ bụng	Cái	2.000	Chất liệu cao su, chịu được nhiệt 135 độ	ISO 13485	

STT	Mã Thông tư 04/2017/TT-BYT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chí, kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Địa điểm cung cấp
12	N07.04.040	Dụng cụ khâu cắt tự động dùng trong mổ mở	Bộ	10	1. Cấu tạo: 40cm ≤ Chiều dài ≤ 50cm 2. Tương thích với băng ghim khâu cắt mổ mở	ISO 13485	
13	N08.00.260	Kim sinh thiết nhiệt	Cái	200	Kim sinh thiết có chất liệu vỏ ngoài bằng nhựa dẻo. Kim tương thích với máy nội soi dạ dày, đại tràng ống mềm, máy có đường kính kênh sinh thiết 2,8 mm, chiều dài 2.300mm ± 10%. Sử dụng 1 lần.	ISO 13485	
14	N06.04.052	Khớp háng bán phần không xi măng chuôi phù nhám	Bộ	24	1. Chòm lưỡng cực cỡ, chất liệu vỏ ngoài hợp kim crom, lót trong nhựa cao phân tử, đường kính ngoài có nhiều cỡ trong đó cỡ nhỏ nhất ≤ 38mm và cỡ lớn nhất phải ≥ 60mm mỗi cấp tăng 2mm 2. Chòm xương đùi chất liệu hợp kim Crom, đường kính 22mm và 28mm; 3. Chuôi không xi măng, 100mm ≤ chiều dài chuôi ≤ 130mm, có ít nhất 12 cỡ chuôi, phủ HA (tái tạo xương nhẹ), góc cổ chuôi 130/135 độ, có gân xung quanh chuôi	ISO 13485	
15	N05.03.020	Lưỡi dao mổ các số	Cái	4.000	Chất liệu thép carbon, các số	ISO 13485	
16	N04.01.030	Ống đặt nội khí quản	Cái	1.000	Cấu tạo có cốp, chất liệu nhựa y tế, các số	ISO 13485	
17	N07.01.500	Phim X-Quang kỹ thuật số cỡ 20cmx25cm	Tờ	10.000	Kích thước 8" x 10" (20 x 25cm). Mật độ in tối đa ≤ 3,60 ± 0,10, mật độ in tối thiểu ≤ 0,29. Tương thích và sử dụng được cho máy in phim khô Laser Fujifilm	ISO 13485	
18	N07.01.500	Phim X-Quang kỹ thuật số cỡ 20cmx25cm	Tờ	10.000	Kích thước 8" x 10" (20 x 25cm). Mật độ in tối đa ≤ 3,60 ± 0,10, mật độ in tối thiểu ≤ 0,29. Tương thích và sử dụng được cho máy in phim khô Laser Trimax TX55	ISO 13485	

STT	Mã Thông tư 04/2017/TT-BYT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chí, kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Địa điểm cung cấp
19	N07.01.500	Phim X-Quang kỹ thuật số cỡ 35cmx43cm	Tờ	5.000	Kích thước 14" x 17" (35cm x 43cm). Mật độ in tối đa $\leq 3,60 \pm 0,10$, mật độ in tối thiểu $\leq 0,29$. Tương thích và sử dụng được cho máy in phim khô Laser Fujifilm	ISO 13485	
20	N07.01.500	Phim X-Quang kỹ thuật số cỡ 35cmx43cm	Tờ	5.000	Kích thước 14" x 17" (35cm x 43cm). Mật độ in tối đa $\leq 3,60 \pm 0,10$, mật độ in tối thiểu $\leq 0,29$. Tương thích và sử dụng được cho máy in phim khô Laser Trimax TX55	ISO 13485	
21	N06.03.010	Thủy tinh thể mềm đa tiêu cự	Cái	50	1. Cấu tạo: Thủy tinh thể nhân tạo mềm 03 tiêu cự, một mảnh, 2 cẳng; chất liệu Acrylic ngâm nước $25\% \pm 10\%$; lọc tia UV; đường kính quang 6mm $\pm 10\%$, 10mm $\leq$ đường kính tổng ≤ 13 mm; chỉ số khúc xạ $\geq 1,4$, hằng số A ≥ 118 ; Độ sâu tiền phòng PACD ≥ 5.5 , đặt sẵn trong súng hoặc có súng kèm theo. Đảm bảo cho đường mổ $\leq 2,2$ mm. 2. Dải công suất có nhiều số trong đó số nhỏ nhất $\leq +10$ diop và số lớn nhất $\geq +30$ diop.	ISO 13485	
Tổng 21 khoản							